**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG,   
NUÔI CON NUÔI VÀ HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ   
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (1)**

| **TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Cách thức thực hiện** | **Phí, lệ phí**  (đồng/trường hợp) | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.012019 | Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | Không | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| **TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | | **Cách thức thực hiện** | | | **Phí, lệ phí** (đồng/trường hợp) | | | **Căn cứ pháp lý** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | **LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (06)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 1.001071 | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng | - Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng | | | |
| 2 | 1.001446 | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | - Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 | | | |
| 3 | 1.001125 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | - Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy để nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng;  - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 | | | |
| 4 | 1.001153 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác | - Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc.  - Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự:  (i) Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc  (ii) Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 | | | |
| 5 | 1.001438 | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 | | | |
| 6 | 1.001721 | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | 3.500.000 đồng/ hồ sơ | | | - Luật Công chứng số 53/2014/QH13  - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023  - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 257/2016/TT-BTC | | | |
| **II** | **LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI** | | | | | | | | | | | | | |
| **\*** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 1.003976 | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng | - Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.  - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em). - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp, qua hệ thống bưu chính | | | Lệ phí : 9.000.000 Đồng (9.000.000 đồng/trường hợp. Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài. Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi Cục Con nuôi tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi. Chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chí phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.)  Phí : 50.000.000 Đồng (50.000.000 đồng/trường hợp. Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí. Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em. Chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chí phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.) | | | - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. | | | |
| 2 | 1.004878 | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi | - Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: nộp tại Sở Tư pháp. - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi; ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993: +Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 28: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp, qua hệ thống bưu chính | | | Lệ phí : 4.500.000 Đồng (Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp). Nộp sau khi Cục Con nuôi tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi. Chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.) | | | - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022  - Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm2023 | | | |
| 3 | 1.003160 | Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | - Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.  - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp | | | Lệ phí : 4.500.000 Đồng | | | - Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm2023 | | | |
| 4 | 1.003179 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc, kể tử ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt.  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Không | | | - Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm2023 | | | |
| **\*** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH CẤP HUYỆN (01)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2.002363 | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | | Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện  Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính | | | Lệ phí :  Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.  Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Nghị định số 87/2020/NĐ- CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;  - Thông tư số 106/2021/TT BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Thông tư số 01/2022/TT- BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023  - Nghị quyết 142/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. | | | |
| **III** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2.001263 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước | Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý. | | Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã  Trực tiếp | | | Lệ phí : 400.000 Đồng (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.) | | | - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 | | | |
| 2 | 2.001255 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã  Trực tiếp | | | Không | | | - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 | | | |
| 3 | 1.003005 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | 30 Ngày | | Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã  Trực tiếp | | | Lệ phí : 4.500.000 Đồng Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi | | | - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022  - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 | | | |
| **III** | **LĨNH VỰC HỘ TỊCH** | | | | | | | | | | | | | |
| **\*** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2.000635 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | | Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | 8.000 /bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Nghị quyết 142/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. | | | |
| 2 | 2.002516 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch | 03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | | Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000/Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000/ **Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | |
| **\*** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (16)** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | | **Cách thức thực hiện** | | **Phí, lệ phí**  (đồng/trường hợp) | | | **Căn cứ pháp lý** | |
| 1 | 2.000635 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | | Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | 8.000 /bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 2 | 2.002516 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch | 03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | | Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000/Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000/ **Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 3 | 2.000528 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.  Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo | | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có yêu cầu)  - Miễn thu lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 4 | 2.000806 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | 15 ngày | | Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp:1.500.000  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 5 | 1.001766 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.  Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | | Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 6 | 2.000779 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 15 ngày | | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | | **- 1.500.000**  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 7 | 1.001669 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử.  03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên. | | Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Bộ luật Dân sự năm 2015;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 8 | 2.000756 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | 02 ngày làm việc | | Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Bộ luật Dân sự năm 2015;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 9 | 2.000748 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc | Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc. | | Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **28.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:22.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 10 | 2.002189 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 12 ngày | | Người có yêu cầu ghi chú kết hôn trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (nếu có)  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 11 | 2.000554 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 12 ngày | | - Người có yêu cầu ghi chú ly hôn trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 12 | 2.000547 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc. | | Người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 13 | 2.000522 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | | Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 09/2022/TT-BTP;  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 14 | 1.000893 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 09/2022/TT-BTP;  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC;  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 15 | 2.000513 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | | Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | | **-** 1.500.000  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| 16 | 2.000497 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc | | Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **75.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:60.000  - 8.000 /bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | |
| **III** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (14)** | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2.002516 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch | | 03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000/Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000/ **Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch**  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 2 | 2.000635 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | 8.000 /bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 3 | 1.001193 | Đăng ký khai sinh | | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | - Miễn lệ phí  - Lệ phí đăng ký khai sinh không đúng hạn:  **+** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000**  **+** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 4 | 1.000894 | Đăng ký kết hôn | | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc | Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | - Miễn lệ phí  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 5 | 1.001022 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | | 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | **-** 15.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 6 | 1.000656 | Đăng ký khai tử | | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo | Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | - Miễn lệ phí  - Lệ phí đăng ký khai tử không đúng hạn:  **+** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000**  **+** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 7 | 1.004837 | Đăng ký giám hộ | | 03 ngày làm việc | Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | - Miễn lệ phí.  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | | | - Bộ luật Dân sự năm 2015;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 8 | 1.004845 | Đăng ký chấm dứt giám hộ | | 02 ngày làm việc | Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | - Miễn lệ phí.  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | | | - Bộ luật Dân sự năm 2015;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 9 | 1.004859 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch | | 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc  Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo | Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **15.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:12.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 10 | 1.004873 | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày | Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **15.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:12.000  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 11 | 1.004884 | Đăng ký lại khai sinh | | 05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 12 | 1.004772 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | | 05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>*.* | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 09/2022/TT-BTP;  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 13 | 1.004746 | Đăng ký lại kết hôn | | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)> (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | **- 30.000 đồng/trường hợp**  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |
| 14 | 1.005461 | Đăng ký lại khai tử | | 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc | Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.lamdong.gov.vn)>. | **-** Nộp hồ sơ trực tiếp: **8.000**  **-** Hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến:6.000  - 8.000/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký  - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;  - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;  *- Thông tư số 03/2023/TT-BTP;*  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC  - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. | | | | | | |